

THÔNG BÁO

Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Quảng Trị năm 2025

Thực hiện Quyết định số 1561/QĐ-UBND ngày 15/5/2025 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Quảng Trị năm 2025.

Sở Xây dựng thông báo và khuyến khích các tổ chức, cá nhân sử dụng Dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Quảng Trị (*Danh mục TTHC kèm theo*).

Các tài liệu hướng dẫn đăng ký tài khoản, các bước nộp hồ sơ trực tuyến, hướng dẫn tra cứu cũng như thành phần hồ sơ, thủ tục hành chính đã được đăng tải trên Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Quảng Trị tại địa chỉ <https://dichvucong.quangtri.gov.vn>.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, khó khăn kính đề nghị các tổ chức, cá nhân liên hệ bộ phận hỗ trợ Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (*Địa chỉ: số 22 Trần Hưng Đạo, TP Đông Hà, SĐT: 0233.3636999*) hoặc Bộ phận tiếp nhận và TKQ UBND các huyện, thị xã, thành phố để được hướng dẫn.

Sở Xây dựng thông báo đề quý cơ quan, đơn vị, cá nhân, tổ chức được biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở, ban, ngành, hội, đoàn thể;
- UBND các huyện;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Các phòng, ban, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP_(P).

GIÁM ĐỐC

Trần Hữu Hùng

Phụ lục 1**DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH VÀ DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỘT PHẦN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG***(Kèm theo Thông báo số: /TB-SXD ngày tháng năm 2025 của Sở Xây dựng)*

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
1	Đường bộ	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	1.002063.000.00.00.H50	x	
2	Đường bộ	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng	2.002287.000.00.00.H50	x	
3	Đường bộ	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS	1.002046.000.00.00.H50	x	
4	Đường bộ	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ	1.000703.000.00.00.H50	x	
5	Đường bộ	Cấp bổ sung xe tập lái, cấp lại Giấy phép xe tập lái	1.001751.000.00.00.H50	x	
6	Đường bộ	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi	2.002286.000.00.00.H50	x	
7	Đường bộ	Cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ (trường hợp cơ sở đào tạo đã cấp chứng chỉ không còn hoạt động)	2.000769.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
8	Đường bộ	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	1.010707.000.00.00.H50	x	
9	Đường bộ	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	1.002286.000.00.00.H50	x	
10	Đường bộ	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	1.004993.000.00.00.H50	x	
11	Đường bộ	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	1.001577.000.00.00.H50	x	
12	Đường bộ	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	1.001737.000.00.00.H50	x	
13	Đường bộ	Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	1.010708.000.00.00.H50	x	
14	Đường bộ	Phê duyệt phương án tổ chức giao thông trước khi đưa đường cao tốc vào khai thác; Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án tổ chức giao thông đường cao tốc trong thời gian khai thác	1.002798.000.00.00.H50	x	
15	Đường bộ	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác	1.000660.000.00.00.H50	x	
16	Đường bộ	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi về tên của cơ sở đào tạo	1.005210.000.00.00.H50	x	
17	Đường bộ	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo và thay đổi địa điểm đào tạo	1.001623.000.00.00.H50	x	
18	Đường bộ	Công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác	1.000672.000.00.00.H50	x	
19	Đường bộ	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	1.001765.000.00.00.H50	x	
20	Đường bộ	Thủ tục Gia hạn giấy phép sử dụng tạm thời hè phố	1.010438.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
21	Đường bộ	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ	1.000028.000.00.00.H50	x	
22	Đường bộ	Phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưỡi chở hành khách và xe ô tô	1.005024.000.00.00.H50	x	
23	Đường bộ	Thủ tục Cấp giấy phép xây dựng, lắp đặt các công trình nổi trên hè phố tại các tuyến đường do Sở Giao thông Vận tải quản lý.	1.010431	x	
24	Đường thủy nội địa	Gia hạn thời gian lưu lại lãnh thổ Việt Nam cho phương tiện vận tải thủy của Campuchia	1.003640.000.00.00.H50	x	
25	Đường thủy nội địa	Phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng trên đường thủy nội địa	1.000344.000.00.00.H50	x	
26	Đường bộ	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định	2.002285.000.00.00.H50	x	
27	Đường thủy nội địa	Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới	1.004259.000.00.00.H50	x	
28	Đường thủy nội địa	Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới	1.004261.000.00.00.H50	x	
29	Đường thủy nội địa	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	2.001998.000.00.00.H50	x	
30	Đường thủy nội địa	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa	2.002001.000.00.00.H50	x	
31	Đường thủy nội địa	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	1.006391.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
32	Đường thủy nội địa	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	2.001711.000.00.00.H50	x	
33	Đường thủy nội địa	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	1.004036.000.00.00.H50	x	
34	Đường thủy nội địa	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	1.003930.000.00.00.H50	x	
35	Đường thủy nội địa	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	1.004002.000.00.00.H50	x	
36	Đường thủy nội địa	Xóa đăng ký phương tiện	2.001659.000.00.00.H50	x	
37	Đường thủy nội địa	Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	1.003135.000.00.00.H50	x	
38	Đường thủy nội địa	Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	1.009443.000.00.00.H50	x	
39	Đường thủy nội địa	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa	1.009464.000.00.00.H50	x	
40	Đường thủy nội địa	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa	1.004242.000.00.00.H50	x	
41	Đường thủy nội địa	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải	2.001219.000.00.00.H50	x	
42	Đường thủy nội địa	Thỏa thuận nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa	1.009445.000.00.00.H50	x	
43	Đường thủy nội địa	Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương	1.009459.000.00.00.H50	x	
44	Đường thủy nội địa	Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng	1.009461.000.00.00.H50	x	
45	Đường thủy nội địa	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	1.009465.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
46	Đường thủy nội địa	Thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình xây dựng, hoạt động trên đường thủy nội địa	1.009451.000.00.00.H50	x	
47	Đường thủy nội địa	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa	1.009462.000.00.00.H50	x	
48	Đường thủy nội địa	Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa	1.009463.000.00.00.H50	x	
49	Đường thủy nội địa	Công bố đóng khu neo đậu	1.009450.000.00.00.H50	x	
50	Đường thủy nội địa	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng	1.009460.000.00.00.H50	x	
51	Đường thủy nội địa	Thiết lập khu neo đậu	1.009448.000.00.00.H50	x	
52	Đường thủy nội địa	Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưỡi chở hành khách và xe ô tô	1.005021.000.00.00.H50	x	
53	Đường thủy nội địa	Công bố hoạt động khu neo đậu	1.009449.000.00.00.H50	x	
54	Đường thủy nội địa	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa	1.009442.000.00.00.H50	x	
55	Đường thủy nội địa	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa	1.009456.000.00.00.H50	x	
56	Du lịch	Thủ tục cấp lại biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch	1.008029.000.00.00.H50	x	
57	Du lịch	Thủ tục cấp đổi biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch	1.008028.000.00.00.H50	x	
58	Du lịch	Thủ tục cấp biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch	1.008027.000.00.00.H50	x	
59	Hàng hải	Đăng ký vận tải hành khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo	2.000795.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
60	Hàng hải	Chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển	2.001802.000.00.00.H50	x	
61	Đường sắt	Cấp Giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang	1.005126.000.00.00.H50	x	
62	Đường sắt	Gia hạn giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt	1.005123.000.00.00.H50	x	
63	Đường sắt	Bãi bỏ đường ngang	1.000294.000.00.00.H50	x	
64	Đường sắt	Gia hạn Giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang	1.005058.000.00.00.H50	x	
65	Đường sắt	Chấp thuận chủ trương kết nối các tuyến đường sắt	1.004691.000.00.00.H50	x	
66	Đường sắt	Gia hạn giấy phép kết nối, bãi bỏ kết nối các tuyến đường sắt	1.004681.000.00.00.H50	x	
67	Đường sắt	Chấp thuận chủ trương xây dựng đường ngang (đối với đường sắt có tốc độ thiết kế nhỏ hơn 100 km/giờ giao nhau với đường bộ; đường sắt giao nhau với đường bộ từ cấp IV trở xuống)	1.004883.000.00.00.H50	x	
68	Đường sắt	Cấp Giấy phép kết nối các tuyến đường sắt	1.004685.000.00.00.H50	x	
69	Đường sắt	Cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt	1.005134.000.00.00.H50	x	
70	Đường bộ	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	1.013061.H50	x	
71	Đăng kiểm	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	1.013105.H50	x	
72	Đăng kiểm	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	1.013110.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
73	Đăng kiểm	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	1.001322.H50	x	
74	Đăng kiểm	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	1.001296.H50	x	
75	Đường bộ	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	1.002268.000.00.00.H50	x	
76	Đường bộ	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe, cấp Giấy phép xe tập lái	1.001777.000.00.00.H50	x	
77	Đường bộ	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	1.013259.H50	x	
78	Đường bộ	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa	2.002615.H50	x	
79	Đường bộ	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	1.013260.H50	x	
80	Đường bộ	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	2.002616.H50	x	
81	Đường bộ	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	1.013261.H50	x	
82	Đường bộ	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa do bị mất, bị hỏng	2.002617. H50	x	
83	Đường bộ	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	1.001061.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
84	Đường thủy nội địa	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	1.004088.000.00.00.H50	x	
85	Đường thủy nội địa	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	1.004047.000.00.00.H50	x	
86	Đường thủy nội địa	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	1.003970.000.00.00.H50	x	
87	Đường thủy nội địa	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa (TTHC thực hiện cả cấp tỉnh và cấp huyện)	1.009444.000.00.00.H50	x	
88	Hàng hải	Chấp thuận đề xuất thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương	2.002624.H50	x	
89	Hàng hải	Công bố khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ	2.002625.H50	x	
90	Đường bộ	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	1.013274.H50	x	
91	Đường bộ	Chấp thuận bổ sung vị trí nút giao đầu nối vào đường cao tốc	1.013276.H50	x	
92	Đường bộ	Chấp thuận đầu nối đối với trường hợp kết nối với đường bộ không có trong các quy hoạch	1.013277.H50	x	
93	Đường bộ	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	1.002877.000.00.00.H50	x	
94	Đường bộ	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	1.001023.000.00.00.H50	x	
95	Đường bộ	Cấp, cấp lại Phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải	2.002288.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
96	Đường bộ	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	1.002861.000.00.00.H50	x	
97	Đường bộ	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải liên vận giữa Việt Nam và Lào	1.002856.000.00.00.H50	x	
98	Đường bộ	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	2.001921.000.00.00.H50	x	
99	Đường bộ	Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	1.001046.000.00.00.H50	x	
100	Đường bộ	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	1.000314.000.00.00.H50	x	
101	Đường bộ	Thủ tục Cấp giấy phép các hoạt động đào, lấp hệ phố để thi công công trình hạ tầng kỹ thuật tại các tuyến đường do Sở Giao thông Vận tải quản lý	1.010429	x	
102	Quản lý hoạt động xây dựng	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	1.013235.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
103	Quản lý hoạt động xây dựng	Cấp mới chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	1.013237.H50	x	
104	Quản lý hoạt động xây dựng	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	1.013217.H50	x	
105	Quản lý hoạt động xây dựng	Cấp mới chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng	1.013220.H50	x	
106	Quản lý hoạt động xây dựng	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng	1.013221.H50	x	
107	Quản lý hoạt động xây dựng	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	1.013219.H50	x	
108	Quản lý hoạt động xây dựng	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài	1.013222.H50	x	
109	Quản lý hoạt động xây dựng	Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài	1.013224.H50	x	
110	Quy hoạch xây dựng và Kiến trúc	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc (do chứng chỉ hành nghề bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi thông tin cá nhân được ghi trong chứng chỉ hành nghề kiến trúc)	1.008989.000.00.00.H50	x	
111	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	1.008432.000.00.00.H50	x	
112	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	1.008993.000.00.00.H50	x	
113	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	1.008992.000.00.00.H50	x	
114	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc	1.008991.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
115	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề	1.008990.000.00.00.H50	x	
116	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc	1.008891.000.00.00.H50	x	
117	Vật liệu xây dựng	Công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	1.006871.000.00.00.H50	x	
118	Giám định tư pháp về xây dựng	Miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương	1.011675.H50	x	
119	Giám định tư pháp về xây dựng	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương	2.001116.000.00.00.H50	x	
120	Nhà ở và công sở	Thẩm định giá bán, giá thuê mua nhà ở xã hội / nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân	1.012895.H50	x	
121	Nhà ở và công sở	Thông báo đủ điều kiện được huy động vốn thông qua việc góp vốn, hợp tác đầu tư hợp tác kinh doanh, liên doanh, liên kết của tổ chức và cá nhân để phát triển nhà ở	1.012882.H50	x	
122	Nhà ở và công sở	Thông báo đơn vị đủ điều kiện quản lý vận hành nhà chung cư đối với trường hợp nộp hồ sơ tại Sở Xây dựng	1.012880.H50	x	
123	Nhà ở và công sở	Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công.	1.012885.H50	x	
124	Nhà ở và công sở	Điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công.	1.012886.H50	x	
125	Nhà ở và công sở	Đề xuất cơ chế ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 198 của Luật Nhà ở năm 2023.	1.012887.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
126	Nhà ở và công sở	Thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương	1.012891.H50	x	
127	Kinh doanh bất động sản	Cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (trong trường hợp Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy, bị tiêu hủy, bị hỏng)	1.012901.H50	x	
128	Kinh doanh bất động sản	Cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (trong trường hợp thay đổi thông tin của sàn)	1.012902.H50	x	
129	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	1.002701.000.00.00.H50	x	
130	Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng thay đổi địa chỉ, tên của tổ chức trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng đã được cấp)	1.011710.H50	x	
131	Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (còn thời hạn nhưng bị mất hoặc hư hỏng hoặc bị ghi sai thông tin hoặc tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng xin dừng thực hiện một số chỉ tiêu trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)	1.011708.H50	x	
132	Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng	Bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây	1.011711.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
		dựng thay đổi địa điểm đặt phòng thí nghiệm hoặc thay đổi, bổ sung, sửa đổi chỉ tiêu thí nghiệm, tiêu chuẩn thí nghiệm trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)			
133	Hoạt động xây dựng	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	1.013231.H50		x
134	Kinh doanh bất động sản	Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua	1.012905.H50		x
135	Nhà ở và công sở	Cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội do Nhà nước đầu tư xây dựng bằng vốn đầu tư công	1.012896.H50		x
136	Nhà ở và công sở	Giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung của nhà ở cũ thuộc tài sản công	1.012894.H50		x
137	Nhà ở và công sở	Bán nhà ở cũ thuộc tài sản công	1.012893.H50		x
138	Nhà ở và công sở	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp ký lại hợp đồng thuê	1.012898.H50		x
139	Nhà ở và công sở	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp nhận chuyển quyền thuê nhà ở	1.012897.H50		x
140	Nhà ở và công sở	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp chưa có hợp đồng thuê nhà ở	1.012892.H50		x
141	Nhà ở và công sở	Gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài	1.012890.H50		x

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
142	Kinh doanh bất động sản	Thông báo quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật trong dự án bất động sản đủ điều kiện chuyển nhượng cho cá nhân tự xây dựng nhà ở	1.012903.H50		X
143	Kinh doanh bất động sản	Cấp giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản	1.012900.H50		X
144	Nhà ở và công sở	Chuyển đổi công năng nhà ở đối với nhà ở xây dựng trong dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	1.012883.H50		X
145	Đường thủy nội địa	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	1.004088.000.00.00.H50		X
146	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	1.009791.000.00.00.H50		X
147	Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng (trong trường hợp: Cấp lần đầu hoặc Giấy chứng nhận hết hạn mà tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng có nhu cầu tiếp tục hoạt động)	1.011705.H50		X
148	Hoạt động xây dựng	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh;	1.013234.H50		X
149	Hoạt động xây dựng	cấp giấy phép xây dựng mới công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	1.013236.H50		X

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
150	Hoạt động xây dựng	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	1.013233.H50		X
151	Hoạt động xây dựng	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	1.013230.H50		X
152	Hoạt động xây dựng	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	1.013238.H50		X
153	Quy hoạch xây dựng, kiến trúc	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	1.003011.000.00.00.H50		X
154	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương	1.009794.000.00.00.H50		X

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
155	Quản lý chất lượng công trình xây dựng	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh.	1.009788.000.00.00.H50		X
				132	23

Phụ lục 2**DANH MỤC DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH VÀ DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN MỘT PHẦN THUỘC LĨNH VỰC XÂY DỰNG ĐƯỢC THỰC HIỆN TẠI UBND CẤP HUYỆN***(Ban hành kèm theo Thông báo số: _____/TB-SXD ngày _____ tháng _____ năm 2025 của Sở Xây dựng)*

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
1	Đường thủy nội địa	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	1.009455.000.00.00.H50	x	
2	Đường thủy nội địa	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	1.009452.000.00.00.H50	x	
3	Đường thủy nội địa	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	2.001218.000.00.00.H50	x	
4	Đường thủy nội địa	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	2.001214.000.00.00.H50	x	
5	Đường thủy nội địa	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	2.001215.000.00.00.H50	x	
6	Đường thủy nội địa	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	2.001212.000.00.00.H50	x	
7	Đường thủy nội địa	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	2.001211.000.00.00.H50	x	
8	Đường thủy nội địa	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa (TTHC thực hiện ở cấp tỉnh và cấp huyện)	1.009444.000.00.00.H50	x	

STT	Tên lĩnh vực	Tên TTHC	Mã TTHC	Mức độ dịch vụ công	
				Toàn trình	Một phần
9	Đường thủy nội địa	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	2.001217.000.00.00.H50	x	
10	Đường thủy nội địa	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	1.009453.000.00.00.H50	x	
11	Đường thủy nội địa	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	1.009454.000.00.00.H50	x	